

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Quỳnh N** – sinh năm 1985;

- *Bị đơn*: Anh **Trần Quốc T** – sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Quốc T (sinh năm 1981) và chị Lê Thị Quỳnh N (sinh năm 1985).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Thị Quỳnh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Phương A (sinh ngày 22/8/2012) và anh Trần Quốc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Huệ A (sinh ngày 04/8/2003). Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, giáo dục, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Quỳnh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Quỳnh N đồng ý nộp án phí theo quy định của pháp luật:

Chị Lê Thị Quỳnh N phải chịu **150.000 đồng** (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0013251 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả cho chị N số tiền 150.000 đồng.

Anh Trần Quốc T phải chịu **150.000 đồng** (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0017214 ngày 01/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Hoàn trả cho anh T số tiền 4.850.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
- UBND thị trấn T (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

THẨM PHÁN

Ngô Thị Trang